

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2026/HS-ST

Ngày: 08-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thảo.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 4, ngày 05 tháng 5 và ngày 08 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Phước T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1997 tại Thành phố Cần Thơ, CCCD: 092097001175. Nơi cư trú: Số B N, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ (nay là phường T, Thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phước M (đã chết) và bà Lê Thị Hồng V; bị cáo có vợ và con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/7/2025 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Bà Đoàn Thị S, sinh năm 1962; địa chỉ: Số A, Tổ F, Khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Đỗ Thị Tuyết M1, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu V, phường V, Thành phố Cần Thơ, có mặt.

+ Chị Đỗ Thị Minh P, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: Khu V, phường V, Thành phố Cần Thơ; địa chỉ tạm trú: Số B đường L, Khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 35 phút ngày 30/6/2025, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 62P2-056.46 đi từ nhà trọ của T tại số B, Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) đến khu vực đường Đ, Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) thì nhìn thấy bà Đoàn Thị S, sinh năm 1962, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A, tổ F, khu phố E, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) đang ngồi trên xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61B2 - 313.21 dừng phía trước tiệm tạp hóa T1 để mua đồ, trên cổ bà S có đeo 01 (một) dây chuyền màu vàng nên T điều khiển xe mô tô chạy đến dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền của bà S rồi tăng ga bỏ chạy thoát. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chạy về phòng trọ của T rồi tháo khẩu trang, nón bảo hiểm, quần áo và biển số xe 62P2-056.46 mang bỏ vào thùng rác công cộng rồi vào gắn biển số 72D1-341.54 vào xe mô tô. Đối với bà Đoàn Thị S, sau khi bị T chiếm đoạt sợi dây chuyền thì bà S đến Công an phường C trình báo sự việc và cung cấp hóa đơn mua vàng số 03366 của tiệm V1 thể hiện sợi dây chuyền bà S mua bằng vàng loại 61% có trọng lượng 3,9 chỉ với số tiền là 24.180.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày 30/6/2025, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 72D1-341.54 đem sợi dây chuyền đến tiệm V2, địa chỉ tại số A, đường T, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho ông Trịnh Quang H, sinh năm 1979, đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên được số tiền 23.700.000 đồng. Khi bán thì T nói với ông H sợi dây chuyền vàng trên bị mất giấy tờ chứ không nói cho ông H biết là do T phạm tội mà có. Sau khi bán sợi dây chuyền, T đem tiền đi trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 02/07/2025, lực lượng Công an phường C yêu cầu Nguyễn Phước T đến làm việc thì T đã khai nhận hành vi chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng của bà Đoàn Thị S. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành làm việc với tiệm V2 nhưng không thu hồi được sợi dây chuyền bị chiếm đoạt nêu trên.

*** Theo Kết luận định giá tài sản số 11170/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự cấp Thành phố, xác định:** 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng loại 61%, trọng lượng 3,9 chỉ, trị giá 27.102.000 đồng.

*** Vật chứng thu giữ và xử lý:** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H thu giữ được vật chứng, gồm:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 72D1 - 341.54 là do bà Đỗ Thị Tuyết M1, sinh năm 1975, đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu V, phường V, Thành phố Cần Thơ nhờ con ruột là chị Đỗ Thị Minh P và là vợ của Nguyễn Phước T mua tại Cửa hàng bán xe máy cũ Phạm H1, việc mua bán có làm giấy tờ mua bán nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Sau khi mua xe mô tô, bà M1 cho chị P mượn xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại. Ngày 30/6/2025, Nguyễn Phước T sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì chị P và bà M1 không biết. Do đó, ngày 28/01/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã lập biên bản giao trả xe mô tô trên cho bà Đỗ Thị Tuyết M1.

+ 01 (một) USB màu xanh chứa dữ liệu ghi lại hình ảnh Nguyễn Phước T cướp giật sợi dây chuyền của bà Đoàn Thị S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh niêm phong vào bì thư đóng dấu bút lục và lưu trong hồ sơ vụ án

- **Về trách nhiệm dân sự:** Bà Đỗ Thị Tuyết M1 là mẹ vợ của Nguyễn Phước T đã bồi thường cho bà Đoàn Thị S số tiền 24.000.000 đồng nhưng bà M1 không yêu cầu T trả lại số tiền này cho bà M1 nên HĐXX ghi nhận.

Cáo trạng số 121/CT-VKSTDM ngày 10/3/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:*

- *Về trách nhiệm hình sự:*

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xử lý.

- *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:* Không có

Tại phần tranh luận:

+ Bị cáo T không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Đỗ Thị Tuyết M1, chị Đỗ Thị Minh P không có ý kiến tranh luận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân tốt, được về sớm chăm sóc gia đình vì con của bị cáo đang còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 35 phút ngày 30/6/2025, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 62P2-056.46 đi từ nhà trọ của T đến khu vực đường Đ, khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) thì nhìn thấy bà Đoàn Thị S đang ngồi trên xe mô tô dừng phía trước tiệm tạp hóa T1 để mua đồ, trên cổ bà S có đeo 01 (một) dây chuyền màu vàng nên T điều khiển xe mô tô chạy đến dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền của bà S rồi tăng ga bỏ chạy thoát. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền 24.000.000đ cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là chưa phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà S đã được nhận lại số tiền 24.000.000đ và không yêu cầu gì khác. Bà M1 bồi thường số tiền 24.000.000đ cho bà S nhưng bà M1 không yêu cầu T trả lại số tiền này cho bà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Không có.

[9] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “Cướp giạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/7/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Không có

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PV06);
- VKSND KV 15 – TP Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam khu vực Thủ Dầu Một;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan THAHS Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng

